PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 08/2012/TT-BKHCN	*Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2012*

THÔNG TƯ
Về việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm cấp nhà nước

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 09 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 28/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư về việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm cấp nhà nước.

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (sau đây gọi là đề tài), dự án sản xuất thử nghiệm (sau đây gọi là dự án) thuộc các chương trình khoa học công nghệ cấp nhà nước và các đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm độc lập cấp nhà nước.

2. Việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án khoa học xã hội và nhân văn không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

Điều 2. Tuyển chọn, giao trực tiếp

1. Tuyển chọn là việc lựa chọn tổ chức, cá nhân có năng lực và kinh nghiệm tốt nhất để thực hiện đề tài, dự án theo đặt hàng của Nhà nước thông qua việc xem

xét, đánh giá các hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn theo những yêu cầu, tiêu chí nêu trong Thông tư hướng dẫn này.

Tuyển chọn được áp dụng đối với đề tài, dự án có nhiều tổ chức và cá nhân có khả năng tham gia thực hiện nhằm đạt được hiệu quả cao nhất.

2. Giao trực tiếp là việc chỉ định tổ chức, cá nhân có đủ năng lực, phẩm chất, điều kiện và chuyên môn phù hợp để thực hiện đề tài, dự án đặc thù theo đặt hàng của Nhà nước.

Giao trực tiếp được áp dụng đối với:

a) Đề tài, dự án thuộc bí mật quốc gia, đặc thù của an ninh, quốc phòng;

b) Đề tài, dự án cấp bách phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội;

c) Đề tài, dự án mà nội dung chỉ có một tổ chức hoặc cá nhân có đủ điều kiện về chuyên môn, trang thiết bị để thực hiện.

Điều 3. Nguyên tắc tuyển chọn, giao trực tiếp

1. Việc tuyển chọn được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng: Chương trình VTV1 của Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Báo Nhân dân và Báo Sài Gòn giải phóng. Thông tin chi tiết được đăng đầy đủ trên Báo Khoa học và Phát triển, trên các trang tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ http://www.most.gov.vn, http://www.vista.gov.vn, http://www.tchdkh.org.vn.

2. Việc giao trực tiếp được thực hiện bằng hình thức gửi văn bản đến tổ chức, cá nhân được chỉ định để chuẩn bị hồ sơ và lập đề cương bảo vệ trước hội đồng khoa học và công nghệ.

3. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập hội đồng khoa học và công nghệ để tư vấn tuyển chọn, xét giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án.

4. Việc đánh giá hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp được tiến hành bằng cách chấm điểm theo các nhóm tiêu chí cụ thể cho đề tài và dự án quy định tại Điều 10 của Thông tư này.

5. Mỗi cá nhân chỉ được đăng ký chủ trì một (01) đề tài hoặc dự án. Khuyến khích việc hợp tác thực hiện đề tài, dự án giữa các tổ chức, cá nhân tham gia tuyển chọn nhằm huy động được tối đa nguồn lực để thực hiện có hiệu quả đề tài, dự án.

6. Kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp sau khi phê duyệt được thông báo đến các tổ chức, cá nhân trúng tuyển, cơ quan chủ quản của tổ chức, cá nhân trúng tuyển và công bố trên trang tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ http://www.most.gov.vn, http://www.vista.gov.vn, http://www.tchdkh.org.vn.

Điều 4. Điều kiện tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp

1. Đối với tổ chức:

a) Các tổ chức có tư cách pháp nhân, có đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của đề tài, dự án có quyền tham gia đăng ký tuyển chọn hoặc được xét giao trực tiếp chủ trì thực hiện đề tài, dự án;

b) Các tổ chức không được tham gia đăng ký tuyển chọn hoặc xét giao trực tiếp chủ trì đề tài, dự án khi đến thời điểm nộp hồ sơ:

- Chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi theo hợp đồng thực hiện các dự án độc lập, dự án thuộc chương trình, dự án thuộc dự án khoa học và công nghệ, dự án nhập công nghệ được giao;

- Đánh giá nghiệm thu đề tài, dự án cấp nhà nước chậm so với thời hạn kết thúc hợp đồng nghiên cứu từ 12 tháng trở lên mà không có ý kiến chấp thuận của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Đối với cá nhân:

a) Cá nhân chủ nhiệm đề tài, dự án phải đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:

- Có trình độ đại học trở lên, có chuyên môn phù hợp và đang hoạt động trong cùng lĩnh vực khoa học với đề tài, dự án trong 5 năm gần đây, tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

- Là người đề xuất phương án và chủ trì xây dựng thuyết minh đề tài, dự án;

- Có đủ khả năng trực tiếp thực hiện hoặc tổ chức thực hiện và bảo đảm đủ thời gian để chủ trì thực hiện công việc nghiên cứu của đề tài, dự án.

b) Cá nhân không được tham gia đăng ký tuyển chọn, xét giao trực tiếp chủ nhiệm đề tài, dự án nếu đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ vẫn đang chủ nhiệm các đề tài, dự án thuộc chương trình; đề tài, dự án độc lập; đề tài, dự án hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ theo nghị định thư; đề tài, dự án thuộc các dự án khoa học và công nghệ; đề tài, dự án do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ;

c) Cá nhân chủ nhiệm đề tài, dự án cấp nhà nước được đánh giá nghiệm thu ở mức "không đạt" mà không được gia hạn thời gian thực hiện để hoàn chỉnh kết quả hoặc đề tài, dự án bị đình chỉ thực hiện do sai phạm sẽ không được tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong vòng hai (02) năm kể từ thời điểm có kết luận của hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp nhà nước hoặc thời điểm có quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đình chỉ thực hiện đề tài, dự án;

d) Cá nhân chủ nhiệm đề tài, dự án cấp nhà nước nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở chậm so với thời hạn kết thúc hợp đồng nghiên cứu từ sáu (06) tháng trở lên mà không có ý kiến chấp thuận của Bộ Khoa học và Công nghệ sẽ không được tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian tương ứng như sau:

- 12 tháng, tính từ thời điểm nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu thực tế nếu nộp chậm từ sáu (06) tháng đến dưới 24 tháng;

- 24 tháng, tính từ thời điểm nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu thực tế nếu nộp chậm từ 24 tháng trở lên.

Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức mở hồ sơ kiểm tra và xác nhận các điều kiện tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp theo các quy định của Điều này.

Điều 5. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp

1. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp gồm các tài liệu sau:

a) Đơn đăng ký chủ trì thực hiện đề tài, dự án (Phụ lục 1, Biểu B1-1);

b) Thuyết minh đề tài (Phụ lục 1, Biểu B1-2a), thuyết minh dự án (Phụ lục 1, Biểu B1-2b);

c) Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì đề tài, dự án (Phụ lục 1, Biểu B1-3);

d) Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm và các cá nhân đăng ký thực hiện chính đề tài, dự án có xác nhận của cơ quan chủ quản (Phụ lục 1, Biểu B1-4);

đ) Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện đề tài, dự án - nếu có (Phụ lục 1, Biểu B1-5);

e) Các văn bản chứng minh không thuộc các trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 và các điểm b, c, d khoản 2 Điều 4 của Thông tư này (nếu có);

g) Văn bản pháp lý chứng minh năng lực về nhân lực, trang thiết bị và khả năng huy động vốn từ nguồn khác để thực hiện đề tài, dự án (nếu có kê khai huy động vốn từ nguồn khác). Đối với dự án bắt buộc phải có các văn bản pháp lý cam kết và giải trình khả năng huy động vốn từ các nguồn ngoài ngân sách sự nghiệp khoa học đạt ít nhất 70% tổng kinh phí đầu tư dự kiến cần thiết để triển khai (báo cáo tài chính của doanh nghiệp trong 2 - 3 năm gần nhất; cam kết cho vay vốn hoặc bảo lãnh vay vốn của ngân hàng; cam kết pháp lý về việc đóng góp vốn của các tổ chức tham gia dự án);

h) Văn bản xác nhận sự đồng ý của các cơ quan có liên quan về việc ứng dụng kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án nếu sản phẩm của đề tài, dự án đáp ứng yêu cầu khoa học và mức chất lượng (nếu có).

2. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp gồm một (01) bộ hồ sơ gốc (có dấu và chữ ký trực tiếp) trình bày và in trên khổ giấy A4, sử dụng phông chữ tiếng Việt của bộ mã ký tự Unicode theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6909:2001, cỡ chữ 14 và một (01) bản điện tử của hồ sơ ghi trên đĩa quang (dạng PDF, không đặt mật khẩu) được đóng gói trong túi hồ sơ có niêm phong và bên ngoài ghi rõ như sau:

a) Tên đề tài hoặc dự án đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp (ghi rõ: tên đề tài hoặc dự án; tên, mã số của chương trình);

b) Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký chủ trì và tổ chức tham gia phối hợp thực hiện đề tài, dự án (chỉ ghi danh sách tổ chức đã có xác nhận tham gia phối hợp);

c) Họ tên của cá nhân đăng ký chủ nhiệm đề tài, dự án và danh sách những người tham gia chính thực hiện đề tài, dự án (chỉ ghi danh sách cá nhân đã có xác nhận tham gia phối hợp);

d) Danh mục tài liệu có trong hồ sơ.

Điều 6. Nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp

1. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp được nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện về Trụ sở Bộ Khoa học và Công nghệ, số 113 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

2. Thời hạn nộp hồ sơ: Theo thông báo của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Ngày chứng thực nhận hồ sơ là ngày ghi ở dấu của Bưu điện Hà Nội (trường hợp gửi qua bưu điện) hoặc dấu đến của Bộ Khoa học và Công nghệ (trường hợp nộp trực tiếp).

4. Trong thời hạn quy định nộp hồ sơ, tổ chức và cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp có quyền rút hồ sơ đã nộp để thay bằng hồ sơ mới hoặc bổ sung hồ sơ đã nộp. Việc thay hồ sơ mới và bổ sung hồ sơ phải hoàn tất trước thời hạn nộp hồ sơ theo quy định; văn bản bổ sung là bộ phận cấu thành của hồ sơ.

Điều 7. Mở hồ sơ

1. Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức mở hồ sơ, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ với sự tham dự của đại diện các cơ quan liên quan (nếu cần), đại diện tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp.

2. Hồ sơ hợp lệ là hồ sơ được chuẩn bị theo đúng các biểu mẫu và đáp ứng được các yêu cầu quy định tại Điều 4, Điều 5 và Điều 6 của Thông tư này.

3. Quá trình và kết quả mở hồ sơ được ghi thành biên bản (Phụ lục 2, Biểu B2-1).

4. Hồ sơ được đưa vào xem xét, đánh giá khi đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 2 của Điều này.

Điều 8. Hội đồng khoa học và công nghệ

1. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án và hội đồng khoa học và công nghệ xét duyệt đề cương đề tài, dự án giao trực tiếp (sau đây gọi là hội đồng). Mỗi hội đồng có thể tư vấn cho một (01) hoặc một số đề tài, dự án (trong trường hợp các đề tài hoặc dự án cùng lĩnh vực).

2. Hội đồng có từ 09 đến 11 thành viên, gồm chủ tịch, phó chủ tịch, hai (02) ủy viên phản biện và các ủy viên, trong đó:

a) Hai phần ba (2/3) là các chuyên gia có uy tín, có tinh thần trách nhiệm, có trình độ, chuyên môn phù hợp, am hiểu sâu chuyên ngành khoa học và công nghệ được giao tư vấn và có ít nhất 5 năm kinh nghiệm hoạt động gần đây trong chuyên ngành được giao tư vấn;

b) Một phần ba (1/3) là đại diện của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan hoạch định chính sách, bộ, ngành, tổng công ty, tập đoàn kinh tế và đơn vị dự kiến thụ hưởng kết quả của đề tài, dự án.

Đối với các đề tài, dự án thuộc các chương trình khoa học và công nghệ cấp nhà nước, không quá một (01) thành viên từ Ban chủ nhiệm chương trình và không được làm chủ tịch, phó chủ tịch hoặc ủy viên phản biện.

3. Các chuyên gia, các ủy viên phản biện đã tham gia hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ được ưu tiên mời tham gia hội đồng đối với các đề tài, dự án tương ứng.

Thành viên hội đồng có thể lấy từ cơ sở dữ liệu chuyên gia của Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Trong trường hợp cần thiết, Bộ Khoa học và Công nghệ mời chuyên gia ở ngoài hội đồng có am hiểu sâu lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, dự án để nhận xét và đánh giá hồ sơ.

5. Cá nhân thuộc các trường hợp sau không được là thành viên hội đồng:

a) Cá nhân đăng ký chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện đề tài, dự án;

b) Cá nhân thuộc tổ chức đăng ký chủ trì đề tài, dự án.

6. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì tổ chức các phiên họp hội đồng và cử thư ký hành chính giúp việc hội đồng.

Điều 9. Nguyên tắc làm việc của hội đồng

1. Thư ký hành chính của hội đồng có trách nhiệm chuẩn bị và gửi các tài liệu sau đây tới tất cả thành viên hội đồng và chuyên gia (nếu có) tối thiểu là 05 ngày trước phiên họp hội đồng:

a) Quyết định thành lập hội đồng và danh sách kèm theo;

b) Trích lục danh mục đề tài, dự án đã được phê duyệt;

c) Bản sao hồ sơ gốc hoặc bản điện tử của hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn hoặc giao trực tiếp;

d) Mẫu phiếu nhận xét đối với đề tài (Phụ lục 2, Biểu B2-2a), dự án (Phụ lục 2, Biểu B2-2b);

đ) Tài liệu liên quan khác.

2. Phiên họp của hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên hội đồng, trong đó có chủ tịch hoặc phó chủ tịch và hai (02) ủy viên phản biện.

3. Chủ tịch hội đồng chủ trì các phiên họp hội đồng. Trong trường hợp chủ tịch hội đồng vắng mặt, phó chủ tịch hội đồng chủ trì phiên họp của hội đồng. Hội đồng cử thư ký khoa học để ghi chép ý kiến chuyên môn của các thành viên và kết luận của hội đồng trong biên bản làm việc và các văn bản liên quan của hội đồng. Ý kiến bằng văn bản của thành viên vắng mặt (nếu có) chỉ có giá trị tham khảo.

4. Trách nhiệm của các thành viên hội đồng:

a) Đánh giá một cách trung thực, khách quan và công bằng; chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của hội đồng. Các thành viên hội đồng, chuyên gia (nếu có) và thư ký hành chính hội đồng có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình đánh giá tuyển chọn, xét giao trực tiếp;

b) Nghiên cứu, phân tích từng nội dung và thông tin đã kê khai trong hồ sơ; nhận xét đánh giá mặt mạnh, mặt yếu và đánh giá chung từng hồ sơ theo các yêu cầu đã quy định; viết nhận xét - đánh giá và luận giải cho việc đánh giá; cho điểm theo các tiêu chí tại các biểu mẫu quy định;

c) Các thành viên hội đồng chấm điểm độc lập theo các nhóm tiêu chí đánh giá và thang điểm quy định. Trước khi chấm điểm, hội đồng thảo luận chung để thống nhất quan điểm, phương thức cho điểm đối với từng tiêu chí.

Điều 10. Đánh giá hồ sơ

Hồ sơ tuyển chọn, xét giao trực tiếp được đánh giá bằng phương thức chấm điểm, tối đa 100 điểm theo các nhóm tiêu chí và thang điểm sau:

1. Đối với đề tài:

a) Đánh giá tổng quan (điểm tối đa 8);

b) Nội dung, phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng (điểm tối đa 24);

c) Sản phẩm khoa học và công nghệ (điểm tối đa 16);

d) Khả năng ứng dụng các sản phẩm và tác động của các kết quả nghiên cứu (điểm tối đa 16);

đ) Tính khả thi của phương án tổ chức thực hiện (điểm tối đa 16);

e) Năng lực của tổ chức và các cá nhân tham gia (điểm tối đa 20).

2. Đối với dự án:

a) Đánh giá chung (điểm tối đa 8);

b) Mục tiêu, nội dung và phương án triển khai (điểm tối đa 24);

c) Giá trị của công nghệ (điểm tối đa 16);

d) Lợi ích của dự án (điểm tối đa 16);

đ) Phương án tài chính (điểm tối đa 20);

e) Năng lực thực hiện (điểm tối đa 16).

Điều 11. Trình tự, nội dung làm việc của hội đồng

1. Thư ký hành chính đọc quyết định thành lập hội đồng, biên bản mở hồ sơ, giới thiệu thành phần hội đồng và các đại biểu tham dự.

2. Đại diện Bộ khoa học và Công nghệ nêu những yêu cầu và nội dung chủ yếu về việc tuyển chọn, giao trực tiếp đề tài, dự án của Thông tư này.

3. Hội đồng trao đổi thống nhất nguyên tắc làm việc và cử một (01) thành viên làm thư ký khoa học.

4. Đối với các đề tài, dự án được chỉ định giao trực tiếp, tổ chức, cá nhân được giao chuẩn bị hồ sơ trình bày tóm tắt trước hội đồng về đề cương thuyết minh đề tài, dự án, trả lời các câu hỏi của thành viên hội đồng (nếu có) và không tiếp tục dự phiên họp của hội đồng.

5. Hội đồng tiến hành đánh giá các hồ sơ tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp.

a) Trình bày ý kiến phản biện và ý kiến của chuyên gia (nếu có) về nhận xét đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp đề tài, dự án;

- Các ủy viên phản biện, chuyên gia đánh giá phân tích từng hồ sơ và so sánh giữa các hồ sơ đăng ký cùng một (01) đề tài, dự án theo các tiêu chí quy định;

- Hội đồng có thể nêu câu hỏi đối với các ủy viên phản biện, chuyên gia về từng tiêu chí đánh giá liên quan đến từng hồ sơ;

- Sau khi trả lời câu hỏi của các thành viên hội đồng, chuyên gia không là thành viên hội đồng không tiếp tục dự phiên họp của hội đồng;

- Thư ký khoa học đọc ý kiến nhận xét bằng văn bản của thành viên vắng mặt (nếu có) để hội đồng xem xét, tham khảo.

b) Hội đồng thảo luận, đánh giá hồ sơ;

- Hội đồng trao đổi, thảo luận, đánh giá từng hồ sơ theo các tiêu chí đã được quy định và so sánh giữa các hồ sơ tuyển chọn, giao trực tiếp cho cùng một (01) đề tài, dự án;

- Sau khi trao đổi, các thành viên hội đồng cho điểm độc lập từng hồ sơ theo các tiêu chí và thang điểm quy định đối với đề tài (Phụ lục 2, Biểu B2-3a), dự án (Phụ lục 2, Biểu B2-3b).

6. Hội đồng bầu ban kiểm phiếu và bỏ phiếu.

a) Ban kiểm phiếu gồm 3 thành viên hội đồng (trong đó bầu một trưởng ban). Các thư ký hành chính có trách nhiệm giúp ban kiểm phiếu làm việc;

b) Hội đồng bỏ phiếu đánh giá chấm điểm cho từng hồ sơ theo phương thức bỏ phiếu. Phiếu đánh giá hợp lệ là phiếu thực hiện theo đúng chỉ dẫn ghi trên phiếu.

7. Tổng hợp kết quả đánh giá tuyển chọn, giao trực tiếp.

a) Ban kiểm phiếu tổng hợp và báo cáo hội đồng kết quả kiểm phiếu (Phụ lục 2, Biểu B2-4);

b) Hội đồng xếp hạng các hồ sơ được đánh giá có tổng số điểm trung bình từ cao xuống thấp (Phụ lục 2, Biểu B2-5) theo các điều kiện sau đây:

- Hồ sơ có tổng số điểm trung bình của các tiêu chí phải đạt tối thiểu 70/100. Trong đó không có tiêu chí nào được 1/3 số thành viên hội đồng có mặt đánh giá không điểm (0 điểm). Hội đồng xếp hạng các hồ sơ có tổng số điểm trung bình từ cao xuống thấp;

- Đối với các hồ sơ có tổng số điểm trung bình bằng nhau thì điểm cao hơn của chủ tịch hội đồng (hoặc điểm của phó chủ tịch hội đồng, trong trường hợp chủ tịch hội đồng vắng mặt) được ưu tiên để xếp hạng;

- Trường hợp điểm của chủ tịch hội đồng (hoặc điểm của phó chủ tịch hội đồng, trong trường hợp chủ tịch hội đồng vắng mặt) đối với các hồ sơ bằng nhau, hội đồng xếp hạng bằng nhau và kiến nghị phương án lựa chọn.

8. Hội đồng thông qua biên bản về kết quả làm việc của hội đồng, kiến nghị tổ chức và cá nhân trúng tuyển hoặc được giao trực tiếp chủ trì đề tài, dự án:

a) Tổ chức, cá nhân được hội đồng đề nghị trúng tuyển là tổ chức, cá nhân có hồ sơ được xếp hạng với tổng số điểm trung bình cao nhất tại Điểm b, Khoản 7 của Điều này;

b) Hội đồng thảo luận để thống nhất kiến nghị những điểm cần bổ sung, sửa đổi trong thuyết minh đề tài hoặc thuyết minh dự án, các sản phẩm khoa học và công nghệ chính với những chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật tương ứng phải đạt và kiến nghị về kinh phí cho việc thực hiện đề tài, dự án; nêu những điểm cần lưu ý để hoàn thiện hồ sơ của tổ chức và cá nhân được hội đồng đề nghị trúng tuyển hoặc giao trực tiếp;

c) Hội đồng xây dựng biên bản làm việc (Phụ lục 2, Biểu B2-6) gửi Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 12. Phê duyệt kết quả

1. Trước khi phê duyệt tổ chức và cá nhân trúng tuyển hoặc được giao trực tiếp chủ trì đề tài, dự án, Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, rà soát các hồ sơ; trường hợp cần thiết, Bộ Khoa học và Công nghệ có thể đề nghị hội đồng xem xét lại hoặc tổ chức hội đồng mới để tư vấn đánh giá đối với các hồ sơ có kết quả đánh giá chưa hợp lý; kiểm tra thực tế cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân được kiến nghị chủ trì thực hiện đề tài, dự án.

2. Trên cơ sở kết luận của hội đồng, kết quả rà soát và đề nghị của các đơn vị chức năng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ký quyết định phê duyệt tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án.

3. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án có trách nhiệm chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ theo kết luận của hội đồng và gửi Bộ Khoa học và Công nghệ trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả tuyển chọn hoặc giao trực tiếp để tiến hành thẩm định nội dung và kinh phí, làm căn cứ bố trí kế hoạch thực hiện.

Điều 13. Lưu giữ hồ sơ gốc

Trong thời hạn một (01) năm kể từ ngày Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ký quyết định phê duyệt tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án, thư ký hành chính của các hội đồng có trách nhiệm nộp bộ hồ sơ gốc (kể cả các hồ sơ không trúng tuyển) để lưu tại Phòng Lưu trữ, Văn phòng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 14. Khiếu nại, tố cáo

1. Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, khởi kiện đối với các quyết định hành chính và hành vi hành chính của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền liên quan đến việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì đề tài, dự án.

2. Công dân có quyền tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì đề tài, dự án.

3. Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Vận dụng Thông tư

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thể vận dụng các quy định của Thông tư này để tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm thuộc phạm vi và thẩm quyền quản lý.

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quy định tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án khoa học công nghệ cấp nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-BKHCN ngày 11 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Thông tư số 08/2011/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ (Phần sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành theo Quyết định số 10/2007/QĐ-BKHCN).

2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, sửa đổi bổ sung./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Chu Ngọc Anh

Phụ lục 1
BIỂU MẪU ÁP DỤNG CHO VIỆC NỘP HỒ SƠ
(Kèm theo Thông tư số 08/2012/TT-BKHCN ngày 02/4/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Biểu B1-1
08/2012/TT-BKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ[1]
CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN CẤP NHÀ NƯỚC

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

Căn cứ thông báo của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm năm 20..., chúng tôi:

a).....

.....

.....

.....

.....

(Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp làm cơ quan chủ trì đề tài, dự án SXTN)

b).....

.....

.....

(Họ và tên, học vị, chức vụ địa chỉ cá nhân đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp làm chủ nhiệm đề tài, dự án SXTN)

đăng ký chủ trì thực hiện đề tài, dự án SXTN:

.....

.....

.....

.....

[1] *Trình bày và in trên khổ giấy A4*

***Thuộc lĩnh vực KH&CN*:**

.....

Thuộc Chương trình KH&CN (nếu có):

.....

Mã số của Chương trình:.....

Hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp chủ trì thực hiện đề tài, dự án SXTN gồm:

1. Thuyết minh đề tài theo biểu *B1-2a, hoặc* Thuyết minh dự án SXTN theo biểu *B1-2b*;
2. Tóm tắt hoạt động KH&CN của tổ chức đăng ký chủ trì đề tài, dự án SXTN theo biểu *B1-3*;
3. Lý lịch khoa học của.....[2] cá nhân đăng ký chủ nhiệm *và tham gia chính* đề tài, dự án SXTN theo biểu *B1-4*;
4. Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức đăng ký phối hợp nghiên cứu theo biểu *B1-5* - nếu có phối hợp nghiên cứu;
5. Các văn bản pháp lý chứng minh khả năng huy động vốn từ nguồn khác (nếu có kê khai huy động vốn từ nguồn khác);
6. Các văn bản khác (bản sao Biên bản nghiệm thu của Hội đồng KH&CN cấp Nhà nước, chứng từ nộp kinh phí thu hồi,...).
7. Văn bản xác nhận sự đồng ý của các cơ quan có liên quan về việc ứng dụng kết quả nghiên cứu của đề tài/dự án nếu sản phẩm của đề tài/dự án đáp ứng được yêu cầu khoa học và mức chất lượng (nếu có).

Chúng tôi xin cam đoan những nội dung và thông tin kê khai trong hồ sơ này là đúng sự thật.

....., ngày… tháng… năm 20....

CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN	**THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN**
(Họ, tên và chữ ký)	*(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)*

[2] *Ghi số người đăng ký tham gia thực hiện chính đề tài, dự án SXTN.*

Biểu B1-2a
08/2012/TT-BKHCN

THUYẾT MINH
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ[1]

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI

1	**Tên đề tài**	**2**	**Mã số** *(được cấp khi Hồ sơ trúng tuyển)*
3	**Thời gian thực hiện:**..... tháng (Từ tháng...../20... đến tháng..../20…	**4**	**Cấp quản lý** Nhà nước ☐ Bộ ☐ Tỉnh ☐ Cơ sở ☐

5 Tổng kinh phí thực hiện:..... triệu đồng, trong đó:

Nguồn	*Kinh phí (triệu đồng)*
- Từ Ngân sách sự nghiệp khoa học	
- Từ nguồn tự có của tổ chức	
- Từ nguồn khác	

6

☐ **Thuộc Chương trình** (Ghi rõ tên chương trình, nếu có), **Mã số:**
☐ **Thuộc dự án KH&CN**
☐ **Đề tài độc lập**

7 Lĩnh vực khoa học

☐ Tự nhiên; ☐ Nông, lâm, ngư nghiệp;
☐ Kỹ thuật và công nghệ; ☐ Y dược.

8 Chủ nhiệm đề tài

Họ và tên:.....
Ngày, tháng, năm sinh:..... Giới tính: Nam ☐ / Nữ: ☐
Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn:.....
Chức danh khoa học:..... Chức vụ.....

---

[1] *Bản Thuyết minh này dùng cho hoạt động nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ thuộc 4 lĩnh vực khoa học nêu tại mục 7 của Thuyết minh. Thuyết minh được trình bày và in trên khổ A4*

Điện thoại:
Tổ chức:..... Nhà riêng:..... Mobile:.....
Fax:..... E-mail:.....
Tên tổ chức đang công tác:.....
Địa chỉ tổ chức:.....
.....
Địa chỉ nhà riêng:.....

9 Thư ký đề tài

Họ và tên:.....
Ngày, tháng, năm sinh:..... Nam/ Nữ:.....
Học hàm, học vị/Trình độ chuyên môn:.....
Chức danh khoa học:..... Chức vụ:.....
Điện thoại:.....
Tổ chức:..... Nhà riêng:..... Mobile:.....
Fax:..... E-mail:.....
Tên tổ chức đang công tác:.....
Địa chỉ tổ chức:.....
.....
Địa chỉ nhà riêng:.....

10 Tổ chức chủ trì đề tài

Tên tổ chức chủ trì đề tài:.....
Điện thoại:..... Fax:.....
E-mail:.....
Website:.....
Địa chỉ:.....
Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....
Số tài khoản:.....
Kho bạc nhà nước/Ngân hàng:.....
Tên cơ quan chủ quản đề tài:.....
.....

11 Các tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài *(nếu có)*

1. **Tổ chức 1**:.....
Tên cơ quan chủ quản.....
Điện thoại:..... Fax:.....
Địa chỉ:.....
Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....
Số tài khoản:.....
Ngân hàng:.....
2. **Tổ chức 2**:.....
Tên cơ quan chủ quản.....
Điện thoại:..... Fax:.....
Địa chỉ:.....
Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....
Số tài khoản:.....
Ngân hàng:.....

12 Các cán bộ thực hiện đề tài

(Ghi những người có đóng góp khoa học và chủ trì thực hiện những nội dung chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện đề tài, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm đề tài)

TT	Họ và tên, học hàm học vị	Tổ chức công tác	Nội dung, công việc chính tham gia	Thời gian làm việc cho đề tài (Số tháng quy đổi[2])
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				

[2] *Một (01) tháng quy đổi là tháng làm việc gồm 22 ngày, mỗi ngày làm việc gồm 8 tiếng*

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG KH&CN VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

13 Mục tiêu của đề tài (*Bám sát và cụ thể hóa định hướng mục tiêu theo đặt hàng - nếu có)*

.....

.....

.....

14 Tình trạng đề tài

☐ Mới ☐ Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả

☐ Kế tiếp nghiên cứu của người khác

15 Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề tài

15.1. ***Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài***

Ngoài nước (*Phân tích đánh giá được những công trình nghiên cứu có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài; nêu được những bước tiến về trình độ KH&CN của những kết quả nghiên cứu đó*)

Trong nước *(Phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu trong nước thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, đặc biệt phải nêu cụ thể được những kết quả KH&CN liên quan đến đề tài mà các cán bộ tham gia đề tài đã thực hiện. Nếu có các đề tài cùng bản chất đã và đang được thực hiện ở cấp khác, nơi khác thì phải giải trình rõ các nội dung kỹ thuật liên quan đến đề tài này; Nếu phát hiện có đề tài đang tiến hành mà đề tài này có thể phối hợp nghiên cứu được thì cần ghi rõ Tên đề tài, Tên Chủ nhiệm đề tài và cơ quan chủ trì đề tài đó)*

15.2. Luận giải về việc đặt ra mục tiêu và những nội dung cần nghiên cứu của đề tài

(*Trên cơ sở đánh giá tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước, phân tích những công trình nghiên cứu có liên quan, những kết quả mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu đề tài, đánh giá những khác biệt về trình độ KH&CN trong nước và thế giới, những vấn đề đã được giải quyết, cần nêu rõ những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những hạn chế cụ thể, từ đó nêu được hướng giải quyết mới - luận giải và cụ thể hóa mục tiêu đặt ra của đề tài và những nội dung cần thực hiện trong đề tài để đạt được mục tiêu*)

16 ***Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề tài đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan***

(Tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu những danh mục đã được trích dẫn để luận giải cho sự cần thiết nghiên cứu đề tài).

….....

.....

17 **Nội dung nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm của đề tài và phương án thực hiện**

(Liệt kê và mô tả chi tiết những nội dung nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm phù hợp cần thực hiện để giải quyết vấn đề đặt ra kèm theo các nhu cầu về nhân lực, tài chính và nguyên vật liệu trong đó chỉ rõ những nội dung mới, những nội dung kế thừa kết quả nghiên cứu của các đề tài trước đó; những hoạt động để chuyển giao kết quả nghiên cứu đến người sử dụng, dự kiến những nội dung có tính rủi ro và giải pháp khắc phục - nếu có)

Nội dung 1:.....

.....

.....

Nội dung 2:.....

.....

.....

Nội dung 3:.....

.....

.....

18 **Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng**

(Luận cứ rõ cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sẽ sử dụng gắn với từng nội dung chính của đề tài; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính mới, tính độc đáo, tính sáng tạo của đề tài)

Cách tiếp cận:

.....

Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:

.....

.....

Tính mới, tính độc đáo, tính sáng tạo:

.....

19 Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu và cơ sở sản xuất trong nước

(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện đề tài và nội dung công việc tham gia trong đề tài, kể cả các cơ sở sản xuất hoặc những người sử dụng kết quả nghiên cứu; khả năng đóng góp về nhân lực, tài chính, cơ sở hạ tầng - nếu có).

20 Phương án hợp tác quốc tế *(nếu có)*

(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác - đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề tài; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề tài)

21 Tiến độ thực hiện

	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu	**Kết quả phải đạt**	**Thời gian** (bắt đầu, kết thúc)	**Cá nhân, tổ chức thực hiện***	**Dự kiến kinh phí**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
1	***Nội dung 1***				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
2	***Nội dung 2***				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				

** Chỉ ghi những cá nhân có tên tại Mục 12*

III. SẢN PHẨM KH&CN CỦA ĐỀ TÀI

22	**Sản phẩm KH&CN chính của đề tài và yêu cầu chất lượng cần đạt** *(Liệt kê theo dạng sản phẩm)*

Dạng I: Mẫu (*model, maket);* Sản phẩm *(là hàng hóa, có thể được tiêu thụ trên thị trường);* Vật liệu; Thiết bị, máy móc; Dây chuyền công nghệ; Giống cây trồng; Giống vật nuôi và các loại khác;

Số TT	Tên sản phẩm cụ thể và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu của sản phẩm	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Dự kiến số lượng/quy mô sản phẩm tạo ra
			Cần đạt	Mẫu tương tự (theo các tiêu chuẩn mới nhất)		
				Trong nước	Thế giới	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*

22.1. Mức chất lượng các sản phẩm (Dạng I) so với các sản phẩm tương tự trong nước và nước ngoài *(Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định các chỉ tiêu về chất lượng cần đạt của các sản phẩm của đề tài)*

.....

.....

.....

Dạng II: Nguyên lý ứng dụng; Phương pháp; Tiêu chuẩn; Quy phạm; Phần mềm máy tính; Bản vẽ thiết kế; Quy trình công nghệ; Sơ đồ, bản đồ; Số liệu, Cơ sở dữ liệu; Báo cáo phân tích; Tài liệu dự báo *(phương pháp, quy trình, mô hình,...)*; Đề án, quy hoạch; Luận chứng kinh tế - kỹ thuật, Báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm khác

TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*

Dạng III: Bài báo; Sách chuyên khảo; và các sản phẩm khác

Số TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Dự kiến nơi công bố (Tạp chí, Nhà xuất bản)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*

22.2. Trình độ khoa học của sản phẩm (Dạng II & III) so với các sản phẩm tương tự hiện có *(Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định các yêu cầu khoa học cần đạt của các sản phẩm của đề tài)*

.....

.....

.....

.....

22.3. Kết quả tham gia đào tạo sau đại học

TT	Cấp đào tạo	Số lượng	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Thạc sỹ			
	Tiến sỹ			

22.4. Sản phẩm dự kiến đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng:

.....

.....

.....

.....

23 Khả năng ứng dụng và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu

23.1. Khả năng về thị trường *(Nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, nêu tên và nhu cầu khách hàng cụ thể nếu có; điều kiện cần thiết để có thể đưa sản phẩm ra thị trường?)*

.....

.....

.....

23.2. Khả năng về ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào sản xuất kinh doanh *(Khả năng cạnh tranh về giá thành và chất lượng sản phẩm)*

.....

.....

.....

23.3. Khả năng liên doanh liên kết với các doanh nghiệp trong quá trình nghiên cứu

.....

.....

.....

23.4. Mô tả phương thức chuyển giao

(Chuyển giao công nghệ trọn gói, chuyển giao công nghệ có đào tạo, chuyển giao theo hình thức trả dần theo tỷ lệ % của doanh thu; liên kết với doanh nghiệp để sản xuất hoặc góp vốn - với đơn vị phối hợp nghiên cứu hoặc với cơ sở sẽ áp dụng kết quả nghiên cứu - theo tỷ lệ đã thỏa thuận để cùng triển khai sản xuất; tự thành lập doanh nghiệp trên cơ sở kết quả nghiên cứu tạo ra,...)

.....

.....

.....

24 Phạm vi và địa chỉ (dự kiến) ứng dụng các kết quả của đề tài

.....

.....

.....

.....

25 Tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu

25.1. Đối với lĩnh vực KH&CN có liên quan

(Nêu những dự kiến đóng góp vào các lĩnh vực khoa học công nghệ ở trong nước và quốc tế)

.....

.....

.....

25.2. Đối với tổ chức chủ trì và các cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu

.....

.....

.....

25.3. Đối với kinh tế - xã hội và môi trường

(Nêu những tác động dự kiến của kết quả nghiên cứu đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường)

.....

.....

.....

V. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ

(Giải trình chi tiết xin xem phụ lục kèm theo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

26	**Kinh phí thực hiện đề tài phân theo các khoản chi**						
	Nguồn kinh phí	**Tổng số**	**Trong đó**				
			Trả công lao động (khoa học, phổ thông)	**Nguyên, vật liệu, năng lượng**	**Thiết bị, máy móc**	**Xây dựng, sửa chữa nhỏ**	**Chi khác**
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
	Tổng kinh phí						
	Trong đó:						
1	Ngân sách SNKH:						
	- Năm thứ nhất*:						
	- Năm thứ hai*:						
	- Năm thứ ba*:						
2	Nguồn tự có của cơ quan						
3	Nguồn khác (vốn huy động,...)						

(*): chỉ dự toán khi đề tài đã được phê duyệt

....., ngày..... tháng..... năm 20....
Chủ nhiệm đề tài
(Họ, tên và chữ ký)

....., ngày..... tháng..... năm 20....
Tổ chức chủ trì đề tài
(Họ, tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm 20....
Bộ Khoa học và Công nghệ[3]
(Họ, tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm 20....
Thủ trưởng
Cơ quan chủ quản đề tài[4]
hoặc
Chủ nhiệm chương trình[5]
(Họ, tên, chữ ký, đóng dấu)

[3,4,5] Chỉ ký tên, đóng dấu khi đề tài được phê duyệt.

Phụ lục
DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng số		Nguồn vốn									
				Ngân sách SNKH								Tự có	Khác
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	Tổng số	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ nhất*	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ hai*	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ ba*	*Trong đó, khoán chi theo quy định**		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
1	**Trả công lao động** (khoa học, phổ thông)												
2	**Nguyên, vật liệu, năng lượng**												
3	**Thiết bị, máy móc**												
4	**Xây dựng, sửa chữa nhỏ**												
5	**Chi khác**												
	Tổng cộng												

** Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo Thông tư số 93/2006/TTLT-BTC-BKHCN)*

GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

Khoản 1. Công lao động (khoa học, phổ thông)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung lao động *Dự toán chi tiết theo thứ tự nội dung nghiên cứu nêu tại mục 17 của thuyết minh*	Tổng số		Nguồn vốn									
				Ngân sách SNKH								Tự có	Khác
		Mục chi	Tổng	Tổng số	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ nhất*	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ hai*	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ ba*	*Trong đó, khoán chi theo quy định**		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
1	***Nội dung 1***												
	- Sản phẩm 1												
	- Sản phẩm 2												
	Tổng cộng												

** Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo Thông tư số 93/2006/TTLT-BTC-BKHCN)*

Khoản 2. Nguyên vật liệu, năng lượng

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn									
						SNKH								Tự có	Khác
						Tổng số	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ nhất*	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ hai*	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ ba*	*Trong đó, khoán chi theo quy định**		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*		*8*		*9*		*10*		*11*	*12*
1	Nguyên, vật liệu *(Dự toán chi tiết theo thứ tự nội dung nghiên cứu nêu tại mục 17 của thuyết minh)*														
2	Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng														

1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*		*8*		*9*		*10*		*11*	*12*
3	Năng lượng, nhiên liệu														
	- Than														
	- Điện	kW /h													
	- Xăng, dầu														
	- Nhiên liệu khác														
4	Nước	m^3													
5	Mua sách, tài liệu, số liệu														
Cộng															

***** *Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo Thông tư số 93/2006/TTLT-BTC-BKHCN)*

Khoản 3. Thiết bị, máy móc

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Mục chi	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn					
							SNKH				Tự có	Khác
							Tổng	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba*		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
I	***Thiết bị hiện có tham gia thực hiện đề tài***[6]											
II	***Thiết bị, công nghệ mua mới***											
III	***Khấu hao thiết bị***[7]											
IV	***Thuê thiết bị*** (ghi tên thiết bị, thời gian thuê)											
V	***Vận chuyển lắp đặt***											
						Cộng						

***** *Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt*

[6] *Chỉ ghi tên thiết bị và giá trị còn lại, không cộng vào tổng kinh phí của Khoản 3.*

[7] *Chỉ khai mục này khi cơ quan chủ trì là doanh nghiệp.*

Khoản 4. Xây dựng, sửa chữa nhỏ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn					
			SNKH				Tự có	Khác
			Tổng	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba*		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
1	Chi phí xây dựng..... m^2 nhà xưởng, PTN							
2	Chi phí sửa chữa..... m^2 nhà xưởng, PTN							
3	Chi phí lắp đặt hệ thống điện, nước							
4	Chi phí khác							
	Cộng							

** Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt*

Khoản 5. Chi khác

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số		Nguồn vốn									
				Ngân sách SNKH								Tự có	Khác
		Mục chi	Tổng	Tổng số	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ nhất*	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ hai*	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ ba*	*Trong đó, khoán chi theo quy định**		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	12	13	14
1	***Công tác trong nước*** (địa điểm, thời gian, số lượt người)												
2	***Hợp tác quốc tế***												
a	Đoàn ra (nước đến, số người, số ngày, số lần,...)												
b	Đoàn vào (số người, số ngày, số lần...)												
3	***Kinh phí quản lý*** (của cơ quan chủ trì)												

1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	12	13	14
4	***Chi phí đánh giá, kiểm tra nội bộ, nghiệm thu các cấp***												
	- Chi phí kiểm tra nội bộ												
	- Chi phí nghiệm thu trung gian												
	- Chi phí nghiệm thu nội bộ												
	- Chi phí nghiệm thu ở cấp quản lý đề tài												
5	***Chi khác***												
	- Hội thảo												
	- Ấn loát tài liệu, văn phòng phẩm												
	- Dịch tài liệu												
	- Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ												
	- Khác												
6	***Phụ cấp chủ nhiệm đề tài***												
	Cộng												

******* *Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo Thông tư số 93/2006-TTLT/BTC-BKHCN)*

Biểu B1-2b
08/2012/TT-BKHCN

THUYẾT MINH
DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM[1]

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1	**Tên dự án**	**2**	**Mã số** *(được cấp khi Hồ sơ trúng tuyển)*:
3	**Thời gian thực hiện:**..... **tháng** (Từ tháng...../20.... đến tháng...../20....)	**4**	**Cấp quản lý** Nhà nước ☐ Bộ ☐ Cơ sở ☐ Tỉnh ☐
5	☐ **Thuộc Chương trình** (ghi rõ tên chương trình, nếu có) ☐ **Thuộc dự án KH&CN** ☐ **Dự án độc lập**		
6	**Tổng vốn thực hiện dự án:**..... **triệu đồng, trong đó:**		

Nguồn	***Kinh phí (triệu đồng)***
- Từ Ngân sách sự nghiệp khoa học	
- Vốn tự có của tổ chức chủ trì	
- Khác (liên doanh...)	

7 Chủ nhiệm dự án

Họ và tên:.....
Ngày, tháng, năm sinh:..... Giới tính: Nam ☐ /Nữ: ☐
Học hàm, học vị/Trình độ chuyên môn:.....
Chức danh khoa học:..... Chức vụ:.....
Điện thoại: Tổ chức:..... Nhà riêng:..... Mobile:.....
Fax:..... E-mail:.....
Tên tổ chức đang công tác:.....
Địa chỉ tổ chức:.....
Địa chỉ nhà riêng:.....

[1] *Thuyết minh được trình bày và in ra trên khổ giấy A4.*

8 Thư ký Dự án

Họ và tên:.....

Năm sinh:..... Giới tính: Nam ☐ /Nữ ☐

Học hàm, học vị/Trình độ chuyên môn:.....

Chức danh khoa học:.....

Chức vụ:.....

Điện thoại: Tổ chức:..... Nhà riêng:..... Mobile:.....

Fax:..... E-mail:.....

Tên tổ chức đang công tác:.....

Địa chỉ tổ chức:.....

Địa chỉ nhà riêng:.....

9 Tổ chức chủ trì thực hiện dự án

Tên tổ chức chủ trì dự án:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

E-mail:.....

Website:.....

Địa chỉ:.....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....

Số tài khoản:.....

Kho bạc Nhà nước/Ngân hàng:.....

.....

Tên cơ quan chủ quản dự án:.....

.....

10 Tổ chức tham gia chính

10.1. Tổ chức chịu trách nhiệm về công nghệ

Tên tổ chức chịu trách nhiệm về công nghệ:.....

.....

Điện thoại:..... Fax:.....

E-mail:.....

Website:.....

Địa chỉ:.....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....

Người chịu trách nhiệm chính về công nghệ của dự án:.....

.....

10.2. Tổ chức khác

Tên tổ chức:.....

.....

Điện thoại:..... Fax:.....

E-mail:.....

Website:.....

Địa chỉ:.....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....

11 Cán bộ thực hiện Dự án

(Ghi những người dự kiến đóng góp khoa học chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện dự án, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm Dự án - mỗi người có tên trong danh sách này cần khai báo lý lịch khoa học theo Biểu B1-4)

TT	Họ và tên	Tổ chức công tác	Nội dung công việc tham gia	Thời gian làm việc cho dự án (Số tháng quy đổi[2])
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				

12 Xuất xứ

[Ghi rõ xuất xứ của dự án từ một trong các nguồn sau:

- Từ kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (R&D) đã được Hội đồng khoa học và công nghệ các cấp đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị *(tên đề tài, thuộc Chương trình khoa học và công nghệ cấp Nhà nước (nếu có), mã số, ngày tháng năm đánh giá nghiệm thu; kèm theo Biên bản đánh giá nghiệm thu/Quyết định công nhận kết quả đánh giá nghiệm thu của cấp có thẩm quyền);*

[2] *Một (01) tháng quy đổi là tháng gồm 22 ngày làm việc x 8 tiếng*

- Từ sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm khoa học được giải thưởng khoa học và công nghệ *(tên văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp);*

- Kết quả khoa học công nghệ từ nước ngoài (*hợp đồng chuyển giao công nghệ*; *tên văn bằng, chứng chỉ*, *ngày cấp nếu có; nguồn gốc, xuất xứ, hồ sơ liên quan*);

- Sản phẩm khoa học và công nghệ khác.]

.....

.....

.....

.....

.....

13 Luận cứ về sự cần thiết, tính khả thi và hiệu quả của dự án

13.1. Làm rõ về công nghệ lựa chọn của dự án *(Tính mới, ưu việt, tiên tiến của công nghệ; trình độ công nghệ so với công nghệ hiện có ở Việt Nam, khả năng triển khai công nghệ trong nước, tính phù hợp của công nghệ đối với phương án sản xuất và yêu cầu của thị trường,...).*

.....

.....

.....

.....

.....

13.2. Lợi ích kinh tế, khả năng thị trường và cạnh tranh của sản phẩm dự án *(Hiệu quả kinh tế mang lại khi áp dụng kết quả của dự án; khả năng mở rộng thị trường ở trong nước và xuất khẩu: nêu rõ các yếu tố chủ yếu làm tăng khả năng cạnh tranh về chất lượng, giá thành của sản phẩm dự án so với các sản phẩm cùng loại, chẳng hạn: sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước, giá nhân công rẻ, phí vận chuyển thấp, tính ưu việt của công nghệ...).*

.....

.....

.....

.....

.....

13.3. Tác động của kết quả dự án đến kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng *(Tác động của sản phẩm dự án đến phát triển KT-XH, môi trường, khả năng tạo thêm việc làm, ngành nghề mới, ảnh hưởng đến sức khỏe con người, đảm bảo an ninh, quốc phòng...).*

.....

.....

.....

.....

.....

13.4. Năng lực thực hiện dự án *(Mức độ cam kết và năng lực thực hiện của các tổ chức tham gia chính trong dự án: năng lực khoa học, công nghệ của người thực hiện và cơ sở vật chất - kỹ thuật, các cam kết bằng hợp đồng về mức đóng góp vốn, sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật, lao động, bao tiêu sản phẩm, phân chia lợi ích về khai thác quyền sở hữu trí tuệ, chia sẻ rủi ro).*

.....

.....

.....

.....

.....

13.5. Khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng kết quả của dự án *(Nêu rõ phương án về tổ chức sản xuất; nhân rộng, chuyển giao công nghệ; thành lập doanh nghiệp mới để sản xuất - kinh doanh,...).*

.....

.....

.....

.....

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TRIỂN KHAI DỰ ÁN

14 Mục tiêu

14.1. Mục tiêu của dự án sản xuất[3] hoặc chuyển giao công nghệ đặt ra *(Chất lượng sản phẩm; quy mô sản xuất);*

.....

.....

.....

14.2. Mục tiêu của dự án sản xuất thử nghiệm *(Trình độ công nghệ, quy mô sản phẩm)*

.....

.....

.....

15 Nội dung

15.1. Mô tả công nghệ, sơ đồ hoặc quy trình công nghệ (là xuất xứ của dự án) để triển khai trong dự án

.....

[3] *Dự án sản xuất là phương án triển khai sau khi Dự án sản xuất thử nghiệm kết thúc.*

.....

.....

.....

15.2. Phân tích những vấn đề mà dự án cần giải quyết về công nghệ *(Hiện trạng của công nghệ và việc hoàn thiện, thử nghiệm tạo ra công nghệ mới; nắm vững, làm chủ quy trình công nghệ và các thông số kỹ thuật; ổn định chất lượng sản phẩm, chủng loại sản phẩm; nâng cao khối lượng sản phẩm cần sản xuất thử nghiệm để khẳng định công nghệ và quy mô của dự án sản xuất thử nghiệm)*;

.....

.....

.....

.....

15.3. Liệt kê và mô tả nội dung, các bước công việc cần thực hiện để giải quyết những vấn đề đặt ra, kể cả đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật đáp ứng cho việc thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm.

.....

.....

.....

.....

.....

16 Phương án triển khai

16.1. Phương án tổ chức sản xuất thử nghiệm:

a) Phương thức tổ chức thực hiện:

(- Đối với đơn vị chủ trì là doanh nghiệp: cần làm rõ năng lực triển khai thực nghiệm và hoàn thiện công nghệ theo mục tiêu trong dự án; phương án liên doanh, phối hợp với các tổ chức KH&CN trong việc phát triển, hoàn thiện công nghệ;

- Đối với đơn vị chủ trì là tổ chức khoa học và công nghệ: cần làm rõ năng lực triển khai thực nghiệm và hoàn thiện công nghệ theo mục tiêu trong dự án; việc liên doanh với doanh nghiệp để tổ chức sản xuất thử nghiệm (kế hoạch/phương án của doanh nghiệp về bố trí địa điểm, điều kiện cơ sở vật chất, đóng góp về vốn, về nhân lực, về khả năng tiêu thụ sản phẩm của dự án phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức phân chia lợi nhuận;...)

.....

.....

.....

.....
.....
.....
.....
.....
.....

b) Mô tả, phân tích và đánh giá các điều kiện triển khai dự án:

- Địa điểm thực hiện dự án (nêu địa chỉ cụ thể, nêu thuận lợi và hạn chế về cơ sở hạ tầng như giao thông, liên lạc, điện nước.... của địa bàn triển khai dự án); nhà xưởng, mặt bằng hiện có (m^2), dự kiến cải tạo, mở rộng,.....;

- Trang thiết bị chủ yếu đảm bảo cho triển khai dự án sản xuất thử nghiệm (làm rõ những trang thiết bị đã có, bao gồm cả liên doanh với các đơn vị tham gia, trang thiết bị cần thuê, mua hoặc tự thiết kế chế tạo; khả năng cung ứng trang thiết bị của thị trường cho dự án;.....);

- Nguyên vật liệu (khả năng cung ứng nguyên vật liệu chủ yếu cho quá trình sản xuất thử nghiệm, làm rõ những nguyên vật liệu cần nhập của nước ngoài;....);

- Nhân lực cần cho triển khai dự án: số cán bộ khoa học công nghệ và công nhân lành nghề tham gia thực hiện dự án; kế hoạch tổ chức nhân lực tham gia dự án; nhu cầu đào tạo phục vụ dự án (số lượng cán bộ, kỹ thuật viên, công nhân).

- Môi trường (đánh giá tác động môi trường do việc triển khai dự án và giải pháp khắc phục);

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

16.2. Phương án tài chính *(Phân tích và tính toán tài chính của quá trình thực hiện dự án)* trên cơ sở:

- Tổng vốn đầu tư để triển khai dự án, trong đó nêu rõ vốn cố định, vốn lưu động cho một khối lượng sản phẩm cần thiết trong một chu kỳ sản xuất thử nghiệm để có thể tiêu thụ và tái sản xuất cho đợt sản xuất thử nghiệm tiếp theo (trong trường hợp cần thiết);

- Phương án huy động và sử dụng các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước tham gia dự án (kèm theo các văn bản pháp lý minh chứng cho việc huy động các nguồn vốn: báo cáo tài chính của doanh nghiệp trong 2 - 3 năm gần nhất; cam kết

cho vay vốn hoặc bảo lãnh vay vốn của ngân hàng; cam kết pháp lý về việc đóng góp vốn của các tổ chức tham gia dự án,...);

- Phương án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước (các nội dung chi bằng nguồn vốn này).

- Tính toán, phân tích giá thành sản phẩm của dự án (theo từng loại sản phẩm của dự án nếu có); thời gian thu hồi vốn.

Các số liệu cụ thể của phương án tài chính được trình bày tại các bảng 1 đến bảng 5 và các phụ lục 1 đến phụ lục 7)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

16.3. Dự báo nhu cầu thị trường và phương án kinh doanh sản phẩm của dự án *(Giải trình và làm rõ thêm các bảng tính toán và phụ lục kèm theo bảng 3-5, phụ lục 9);*

- Dự báo nhu cầu thị trường (dự báo nhu cầu chung và thống kê danh mục các đơn đặt hàng hoặc hợp đồng mua sản phẩm dự án);

- Phương án tiếp thị sản phẩm của dự án (tuyên truyền, quảng cáo, xây dựng trang web, tham gia hội chợ triển lãm, trình diễn công nghệ, tờ rơi,...);

- Phân tích giá thành, giá bán dự kiến của sản phẩm trong thời gian sản xuất thử nghiệm; giá bán khi ổn định sản xuất (so sánh với giá sản phẩm nhập khẩu, giá thị trường trong nước hiện tại; dự báo xu thế giá sản phẩm cho những năm tới); các phương thức hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm dự án;

- Phương án tổ chức mạng lưới phân phối sản phẩm khi phát triển sản xuất quy mô công nghiệp.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

17 Sản phẩm của Dự án

[Phân tích, làm rõ các thông số và so sánh với các sản phẩm cùng loại trong nước và của nước ngoài: (i)Dây chuyền công nghệ, các thiết bị, quy trình công nghệ đã được ổn định (quy mô, các thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật); (ii)Sản phẩm đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng; (iii)Ấn phẩm; (iv)Đào tạo cán bộ; (v)Sản phẩm sản xuất thử nghiệm (chủng loại, khối lượng, tiêu chuẩn chất lượng)].

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

18 Phương án phát triển của dự án sau khi kết thúc

18.1. Phương thức triển khai [Mô tả rõ phương án triển khai lựa chọn trong các loại hình sau đây: (i)Đưa vào sản xuất công nghiệp của doanh nghiệp; (ii)Nhân rộng, chuyển giao kết quả của dự án; (iii)Liên doanh, liên kết; (iv)Thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ mới để tiến hành sản xuất - kinh doanh; (v)Hình thức khác: Nêu rõ].

.....
.....
.....
.....
.....

18.2. Quy mô sản xuất (Công nghệ, nhân lực, sản phẩm,...)

.....
.....
.....
.....
.....

18.3. Tổng số vốn của dự án sản xuất

.....
.....
.....
.....
.....
.....

III. PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH CỦA DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM

Tổng kinh phí cần thiết để triển khai dự án sản xuất thử nghiệm = Vốn cố định của dự án sản xuất + Kinh phí hỗ trợ công nghệ + Vốn lưu động.

*** Vốn cố định của Dự án sản xuất gồm:** (i)Thiết bị, máy móc đã có (giá trị còn lại); (ii)Thiết bị, máy móc mua mới; (iii)Nhà xưởng đã có (giá trị còn lại); (iv)Nhà xưởng xây mới hoặc cải tạo.

*** Vốn lưu động:** chỉ tính chi phí để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất cho đợt sản xuất thử nghiệm tiếp theo.

*** Kinh phí hỗ trợ công nghệ:** chi phí hoàn thiện, ổn định các thông số kinh tế - kỹ thuật.

Bảng 1. Tổng kinh phí đầu tư cần thiết để triển khai Dự án

Đơn vị: triệu đồng

	Nguồn vốn	Tổng cộng	Trong đó						
			Vốn cố định		Kinh phí hỗ trợ công nghệ	Vốn lưu động			
			Thiết bị, máy móc mua mới	Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo		Chi phí lao động	Nguyên vật liệu, năng lượng	Thuê thiết bị, nhà xưởng	Khác
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1	***Ngân sách SNKH*** - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba:								
2	***Các nguồn vốn khác*** 2.1. Vốn tự có của cơ sở: - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba: 2.2. Khác (vốn huy động,...) - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba:								
Cộng									

Bảng 2. Tổng chi phí và giá thành sản phẩm

(Trong thời gian thực hiện Dự án)

	Nội dung	Tổng số chi phí *(1.000 đ)*	Trong đó theo sản phẩm			Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
A	**Chi phí trực tiếp**					
1	Nguyên vật liệu, bao bì					Phụ lục 1
2	Điện, nước, xăng dầu					Phụ lục 2
3	Chi phí lao động					Phụ lục 6
4	Sửa chữa, bảo trì thiết bị					Phụ lục 7
5	Chi phí quản lý					Phụ lục 7
B	**Chi phí gián tiếp và khấu hao tài sản cố định**					
6	Khấu hao thiết bị cho dự án - Khấu hao thiết bị cũ - Khấu hao thiết bị mới					Phụ lục 3
7	Khấu hao nhà xưởng cho dự án - Khấu hao nhà xưởng cũ - Khấu hao nhà xưởng mới					Phụ lục 5
8	Thuê thiết bị					Phụ lục 3
9	Thuê nhà xưởng					Phụ lục 5
10	Phân bổ chi phí hỗ trợ công nghệ					Phụ lục 4
11	Tiếp thị, quảng cáo					Phụ lục 7
12	Khác (trả lãi vay, các loại phí,...)					Phụ lục 7
- Tổng chi phí sản xuất thử nghiệm (A+B):						
- Giá thành 1 đơn vị sản phẩm:						

Ghi chú: *- Khấu hao thiết bị và tài sản cố định:* tính theo quy định của Nhà nước đối với từng loại thiết bị của từng ngành kinh tế tương ứng.

- Chi phí hỗ trợ công nghệ: được phân bổ cho thời gian thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm và 01 năm đầu sản xuất ổn định (tối đa không quá 3 năm).

Bảng 3. Tổng doanh thu
(Cho thời gian thực hiện dự án)

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Số lượng	Giá bán dự kiến *(1.000 đ)*	Thành tiền *(1.000 đ)*
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
				Cộng:	

Bảng 4. Tổng doanh thu
(Cho 1 năm đạt 100% công suất)

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá *(1.000 đ)*	Thành tiền *(1.000 đ)*
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
				Cộng:	

Bảng 5. Tính toán hiệu quả kinh tế dự án (cho 1 năm đạt 100% công suất)

TT	Nội dung	Thành tiền *(1.000 đ)*
1	*2*	*3*
1	Tổng vốn đầu tư cho Dự án	
2	Tổng chi phí, trong một năm	
3	Tổng doanh thu, trong một năm	
4	Lãi gộp (3) - (2)	
5	Lãi ròng : (4) - (thuế + lãi vay + các loại phí)	
6	Khấu hao thiết bị, XDCB và chi phí hỗ trợ công nghệ trong 1 năm	
7	Thời gian thu hồi vốn T (năm, ước tính)	
8	Tỷ lệ lãi ròng so với vốn đầu tư, % (ước tính)	
9	Tỷ lệ lãi ròng so với tổng doanh thu, % (ước tính)	

Chú thích:

- Tổng vốn đầu tư bao gồm: tổng giá trị còn lại của thiết bị, máy móc và nhà xưởng đã có + tổng giá trị của thiết bị, máy móc mua mới và nhà xưởng bổ sung mới (kể cả cải tạo) + chi phí hỗ trợ công nghệ;

- Thuế: gồm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng và các loại thuế khác nếu có, trong 1 năm;

- Lãi vay: là các khoản lãi vay phải trả trong 1 năm.

Thời gian thu hồi vốn T = $\frac{\text{Tổng vốn Đầu tư}}{\text{Lãi ròng + Khấu hao}}$ = —— = ... **năm**

Tỷ lệ lãi ròng so với vốn đầu tư = $\frac{\text{Lãi ròng}}{\text{Tổng vốn Đầu tư}}$ x 100 = —— x 100 = ... **%**;

Tỷ lệ lãi ròng so với tổng doanh thu = $\frac{\text{Lãi ròng}}{\text{Tổng doanh thu}}$ x 100 = —— x 100 = ...**%**;

18	**Hiệu quả kinh tế - xã hội**
(Tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, năng lượng, giảm giá thành và tăng sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa, giảm nhập khẩu, tạo công ăn việc làm, bảo vệ môi trường....)	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

.....
.....
.....
.....
.....

....., ngày..... tháng..... năm 20....
Chủ nhiệm dự án
(Họ, tên và chữ ký)

....., ngày..... tháng..... năm 20....
Tổ chức chủ trì dự án
(Họ, tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm 20....
Bộ Khoa học và Công nghệ[4]
(Họ, tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm 20....
Thủ trưởng
Cơ quan chủ quản dự án[5]
hoặc
Chủ nhiệm chương trình[6]
(Họ, tên, chữ ký, đóng dấu)

[4,5,6] Chỉ ký tên, đóng dấu khi đề tài được phê duyệt.

Phụ lục thuyết minh dự án (TMDA)
DỰ TOÁN KINH PHÍ DỰ ÁN
(Theo nội dung chi)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng số		Nguồn vốn									
				Ngân sách SNKH								Tự có	Khác
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	Tổng số	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ nhất*	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ hai*	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ ba*	*Trong đó, khoán chi theo quy định**		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
1	Thiết bị, máy móc mua mới												
2	Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo												
3	Kinh phí hỗ trợ công nghệ												
4	Chi phí lao động												
5	Nguyên vật liệu năng lượng												
6	Thuê thiết bị, nhà xưởng												
7	Chi khác												
	Tổng cộng												

**** Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt***

Phụ lục 1-TMDA

NHU CẦU NGUYÊN VẬT LIỆU

(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn									
							Ngân sách SNKH								Tự có	Khác
							Tổng số	*Trong đó, khoán chi theo Thông tư 93**	Năm thứ nhất*	*Trong đó, khoán chi theo Thông tư 93**	Năm thứ hai*	*Trong đó, khoán chi theo Thông tư 93**	Năm thứ ba*	*Trong đó, khoán chi theo Thông tư 93**		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
1		Nguyên, vật liệu chủ yếu														
2		Nguyên, vật liệu phụ														
3		Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng														
	Cộng															

** Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo Thông tư số 93/2006/TTLT-BTC-BKHCN)*

Phụ lục 2-TMDA

NHU CẦU ĐIỆN, NƯỚC, XĂNG DẦU

(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn									
							Ngân sách SNKH								Tự có	Khác
							Tổng số	*Trong đó, khoán chi theo quy định **	Năm thứ nhất*	*Trong đó, khoán chi theo quy định **	Năm thứ hai*	*Trong đó, khoán chi theo quy định **	Năm thứ ba*	*Trong đó, khoán chi theo quy định **		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
1		***Về điện:***	*kW/h*													
		- Điện sản xuất: Tổng công suất thiết bị, máy móc..... kW														
2		***Về nước:***	*m^3*													
3		***Về xăng dầu:***	*Lít*													
		- Cho thiết bị sản xuất..... tấn														
		- Cho phương tiện vận tải..... tấn														
		Cộng														

** Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo Thông tư số 93/2006/TTLT-BTC-BKHCN)*

Phụ lục 3a-TMDA
YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ, MÁY MÓC

Đơn vị: triệu đồng

A. Thiết bị hiện có *(tính giá trị còn lại)*

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
I	**Thiết bị công nghệ**				
1					
2					
3					
4					
II	**Thiết bị thử nghiệm, đo lường**				
1					
2					
3					
4					
				Cộng	

Phụ lục 3b-TMDA
YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ, MÁY MÓC

B. Thiết bị mới bổ sung, thuê thiết bị

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn					
							Ngân sách SNKH				Tự có	Khác
							Tổng số	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba*		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
1		Mua thiết bị công nghệ										
2		Mua thiết bị thử nghiệm, đo lường										
3		Mua bằng sáng chế, bản quyền										
4		Mua phần mềm máy tính										
5		Vận chuyển lắp đặt										
6		Thuê thiết bị (nêu các thiết bị cần thuê, giá thuê và chỉ ghi vào cột 7 để tính vốn lưu động)										
	Cộng											

Chú ý: Ngân sách Nhà nước chỉ hỗ trợ **mua nguyên chiếc** thiết bị, máy móc

* *Chỉ dự toán khi dự án được phê duyệt*

Phụ lục 4-TMDA
CHI PHÍ HỖ TRỢ CÔNG NGHỆ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Chi phí	Nguồn vốn					
				Ngân sách SNKH				Tự có	Khác
				Tổng số	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba*		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
A		**Chi phí hỗ trợ cho các hạng mục công nghệ (kể cả công nghệ nhập)**							
1		- Hoàn thiện, nắm vững và làm chủ quy trình công nghệ							
2		- Hoàn thiện các thông số về kỹ thuật							
3		- Ổn định các thông số và chất lượng nguyên vật liệu đầu vào							
4		- Ổn định chất lượng sản phẩm; về khối lượng sản phẩm cần sản xuất thử nghiệm							
5		.....							
B		**Chi phí đào tạo công nghệ**							
1		- Cán bộ công nghệ							
2		- Công nhân vận hành							
3		.....							
		Cộng							

** Chỉ dự toán khi dự án được phê duyệt*

Phụ lục 5-TMDA
ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG

Đơn vị: triệu đồng

A. Nhà xưởng đã có (giá trị còn lại)

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
1					
2					
3					
	Cộng A				

B. Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn					
				Ngân sách SNKH				Tự có	Khác
				Tổng số	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba*		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1		Xây dựng nhà xưởng mới							
2		Chi phí sửa chữa cải tạo							
3		Chi phí lắp đặt hệ thống điện							
4		Chi phí lắp đặt hệ thống nước							
5		Chi phí khác							
		Cộng B							

** Chỉ dự toán khi dự án được phê duyệt*

Phụ lục 6-TMDA

CHI PHÍ LAO ĐỘNG

(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Số người	Số tháng	Chi phí tr.đ/người/ tháng	Thành tiền	Nguồn vốn					
							Ngân sách SNKH				Tự có	Khác
							Tổng số	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba*		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
1		Chủ nhiệm Dự án										
2		Kỹ sư										
3		Nhân viên kỹ thuật										
4		Công nhân										
		Cộng										

Phụ lục 7-TMDA
CHI KHÁC CHO DỰ ÁN

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Thành tiền	Nguồn vốn									
				Ngân sách SNKH								Tự có	Khác
				Tổng số	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ nhất*	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ hai*	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ ba*	*Trong đó, khoán chi theo quy định**		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
1		**Công tác phí** - Trong nước - Ngoài nước											
2		**Quản lý phí** - Quản lý hành chính thực hiện dự án											
3		**Sửa chữa, bảo trì thiết bị**											
4		**Chi phí kiểm tra, đánh giá nghiệm thu:** - Chi phí kiểm tra trung gian - Chi phí nghiệm thu cấp cơ sở											

TT	Mục chi	Nội dung	Thành tiền	Nguồn vốn									
				Ngân sách SNKH								Tự có	Khác
				Tổng số	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ nhất*	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ hai*	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ ba*	*Trong đó, khoán chi theo quy định**		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
5		**Chi khác:** - Hội thảo, hội nghị, - Đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ, - Thông tin tuyên truyền, tiếp thị, quảng cáo, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm - Báo cáo tổng kết, - In ấn, - Phụ cấp chủ nhiệm dự án,...											
		Cộng											

***** *Chỉ dự toán khi dự án được phê duyệt (theo Thông tư số 93/2006/TTLT-BTC-BKHCN)*

Phụ lục 8-TMDA
KẾ HOẠCH TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

TT	Nội dung công việc	*Tháng*																								
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	...
1	Sửa chữa, xây dựng nhà xưởng																									
2	Hoàn thiện công nghệ																									
3	Chế tạo, mua thiết bị																									
4	Lắp đặt thiết bị																									
5	Đào tạo công nhân																									
6	Sản xuất thử nghiệm (các đợt)																									
7	Thử nghiệm mẫu																									
8	Hiệu chỉnh công nghệ																									
9	Đánh giá nghiệm thu																									

Phụ lục 9-TMDA

VỀ KHẢ NĂNG CHẤP NHẬN CỦA THỊ TRƯỜNG

I. Nhu cầu thị trường

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị đo	Số lượng *có thể tiêu thụ trong năm:*			Chú thích
			20..	20..	20..	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*

II. Phương án sản phẩm

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị đo	Số lượng sản xuất trong năm:			Tổng số	Cơ sở tiêu thụ
			20..	20..	20..		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*

III. Danh mục chỉ tiêu chất lượng sản phẩm

TT	Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Ghi chú
			Cần đạt	Tương tự mẫu		
				Trong nước	Thế giới	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*

Biểu B1-3
08/2012/TT-BKHCN

TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ[1] CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN

1. Tên tổ chức:

Năm thành lập:

Địa chỉ:

Website:

Điện thoại: Fax:

E-mail:

2. Chức năng, nhiệm vụ và loại hình hoạt động KH&CN hoặc sản xuất kinh doanh liên quan đến đề tài, dự án SXTN tuyển chọn/giao trực tiếp

3. Tổng số cán bộ có trình độ đại học trở lên của tổ chức

TT	*Cán bộ có trình độ đại học trở lên*	*Tổng số*	
1	Tiến sỹ		
2	Thạc sỹ		
3	Đại học		

4. Số cán bộ nghiên cứu của tổ chức trực tiếp tham gia đề tài, dự án SXTN

TT	*Cán bộ có trình độ đại học trở lên*	*Số trực tiếp tham gia thực hiện đề tài, dự án SXTN*	
1	Tiến sỹ		
2	Thạc sỹ		
3	Đại học		

5. ***Kinh nghiệm và thành tựu KH&CN trong 5 năm gần nhất liên quan đến đề tài, dự án SXTN tuyển chọn/giao trực tiếp của các cán bộ trong tổ chức trực tiếp tham gia đề tài, dự án SXTN đã kê khai ở mục 4 trên đây*** *(Nêu lĩnh vực chuyên môn có kinh nghiệm, số năm kinh nghiệm, tên các đề tài/dự án đã chủ trì*

[1] *Trình bày và in trên khổ giấy A4*

hoặc tham gia, những công trình đã áp dụng vào sản xuất và đời sống, thành tựu hoạt động KH&CN và sản xuất kinh doanh khác,...)

6. ***Cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có liên quan đến đề tài, dự án SXTN***:

- Nhà xưởng:

- Trang thiết bị chủ yếu:

7. ***Khả năng huy động các nguồn vốn khác (ngoài ngân sách SNKH) cho việc thực hiện đề tài, dự án SXTN đăng ký***

- Vốn tự có:..... triệu đồng ***(văn bản chứng minh kèm theo).***
- Nguồn vốn khác:..... triệu đồng ***(văn bản chứng minh kèm theo).***

....., ngày..... tháng..... năm 20...

THỦ TRƯỞNG

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN

(Họ, tên và chữ ký của người lãnh đạo tổ chức, đóng dấu)

Biểu B1-4
08/2012/TT-BKHCN

LÝ LỊCH KHOA HỌC
CỦA CÁ NHÂN THỰC HIỆN CHÍNH ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN[1]

ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN: ☐
ĐĂNG KÝ THAM GIA THỰC HIỆN ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN[2]: ☐

1. Họ và tên:	
2. Năm sinh:	**3.** Nam/Nữ:
4. Học hàm:	Năm được phong học hàm:
Học vị:	Năm đạt học vị:
5. Chức danh nghiên cứu:	
Chức vụ:	
6. Địa chỉ nhà riêng:	
7. Điện thoại: CQ: ; NR: ; Mobile:	
8. Fax:	E-mail:
9. Tổ chức - nơi làm việc của cá nhân đăng ký chủ nhiệm đề tài, dự án:	
Tên tổ chức:	
Tên người Lãnh đạo:	
Điện thoại người Lãnh đạo:	
Địa chỉ tổ chức:	

10. Quá trình đào tạo

Bậc đào tạo	Nơi đào tạo	Chuyên môn	Năm tốt nghiệp
Đại học			
Thạc sỹ			
Tiến sỹ			
Thực tập sinh khoa học			

[1] *Mẫu Lý lịch này dùng cho các cá nhân đăng ký chủ trì hoặc tham gia thực hiện chính đề tài KHCN hoặc dự án SXTN (gọi tắt là dự án). Lý lịch được trình bày và in ra trên khổ giấy A4.*
[2] *Nếu đăng ký tham gia, ghi số thứ tự theo mục 12 bản Thuyết minh đề tài KHCN hoặc mục 11 bản Thuyết minh dự án SXTN tương ứng.*

11. Quá trình công tác

Thời gian (*Từ năm... đến năm...*)	Vị trí công tác	Tổ chức công tác	Địa chỉ Tổ chức

12. Các công trình công bố chủ yếu

(liệt kê tối đa 05 công trình tiêu biểu đã công bố liên quan đến đề tài, dự án đăng ký trong 5 năm gần nhất)

TT	Tên công trình (*bài báo, công trình...*)	Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình	Nơi công bố (*tên tạp chí đã đăng công trình*)	Năm công bố

13. Số lượng văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng đã được cấp

(liên quan đến đề tài, dự án đăng ký - nếu có)

TT	Tên và nội dung văn bằng	Năm cấp văn bằng

14. Số công trình được áp dụng trong thực tiễn

(liên quan đến đề tài, dự án đăng ký - nếu có)

TT	Tên công trình	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Thời gian (*bắt đầu - kết thúc*)

15. Các đề tài, dự án, nhiệm vụ khác đã chủ trì hoặc tham gia

(trong 5 năm gần đây thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, dự án đăng ký - nếu có)

Tên đề tài,dự án, nhiệm vụ khác đã chủ trì	*Thời gian* (bắt đầu - kết thúc)	*Thuộc Chương trình* (nếu có)	*Tình trạng đề tài* (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)
Tên đề tài,dự án, nhiệm vụ khác đã tham gia	*Thời gian* (bắt đầu - kết thúc)	*Thuộc Chương trình* (nếu có)	*Tình trạng đề tài* (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)

16. Giải thưởng

(về KH&CN, về chất lượng sản phẩm,... liên quan đến đề tài, dự án đăng ký - nếu có)

TT	Hình thức và nội dung giải thưởng	Năm tặng thưởng

17. Thành tựu hoạt động KH&CN và sản xuất kinh doanh khác
(liên quan đến đề tài, dự án đăng ký - nếu có)

....., ngày..... tháng..... năm 20...

TỔ CHỨC - NƠI LÀM VIỆC CỦA CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM (HOẶC THAM GIA THỰC HIỆN CHÍNH) ĐỀ TÀI, DỰ ÁN[3]
(*Xác nhận và đóng dấu*)

Đơn vị đồng ý và sẽ dành thời gian cần thiết để Ông, Bà... chủ trì (tham gia) thực hiện đề tài, dự án

CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM (HOẶC THAM GIA THỰC HIỆN CHÍNH) ĐỀ TÀI, DỰ ÁN
(*Họ, tên và chữ ký*)

[3] *Nhà khoa học không thuộc tổ chức KH&CN nào thì không cần làm thủ tục xác nhận này.*

Biểu B1-5
08/2012/TT-BKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN PHỐI HỢP THỰC HIỆN[1]
ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN CẤP NHÀ NƯỚC

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Tên đề tài, dự án SXTN đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp:

.....

.....

.....

Thuộc Chương trình KH&CN (nếu có):

.....

Mã số của Chương trình:.....

Thuộc lĩnh vực KH&CN:

.....

2. Tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì đề tài, dự án SXTN

- Tên tổ chức đăng ký chủ trì đề tài, dự án SXTN

.....

.....

.....

- Họ và tên, học vị, chức vụ của cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm đề tài, dự án SXTN

.....

3. Tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện đề tài, dự án SXTN

- Tên tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện đề tài, dự án SXTN

.....

Địa chỉ.....

Điện thoại.....

---

[1] *Giấy xác nhận được trình bày và in ra trên khổ giấy A4.*

4. Nội dung công việc tham gia trong đề tài, dự án (*và kinh phí tương ứng*) của tổ chức phối hợp nghiên cứu đã được thể hiện trong bản thuyết minh đề tài, dự án SXTN của hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp gửi Bộ Khoa học và Công nghệ.

Khi Hồ sơ trúng tuyển, chúng tôi cam đoan sẽ hoàn thành những thủ tục pháp lý do Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi bên để thực hiện tốt nhất và đúng thời hạn mục tiêu, nội dung và sản phẩm của đề tài, dự án SXTN.

....., ngày.... tháng... năm 20....

CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN	**THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN**
(Họ, tên và chữ ký)	*(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)*

THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ PHỐI HỢP THỰC HIỆN ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN

(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

Phụ lục 2

BIỂU MẪU ÁP DỤNG CHO VIỆC ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ

(Kèm theo Thông tư số 08/2012/TT-BKHCN ngày 02/4/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Biểu B2-1

08/2012/TT-BKHCN

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI/ DỰ ÁN SXTN

....., ngày.... tháng.... năm 20...

BIÊN BẢN MỞ HỒ SƠ

ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN CẤP NHÀ NƯỚC

1. Tên đề tài, dự án SXTN

.....

.....

.....

2. Quyết định thành lập Hội đồng

...../QĐ-BKHCN ngày...../...../20... của Bộ trưởng Bộ KH&CN

3. Địa điểm và thời gian

....., ngày...../..... /20...

4. Đại diện các cơ quan và tổ chức liên quan tham gia mở hồ sơ

TT	*Tên cơ quan, tổ chức*	*Họ và tên đại biểu*

5. Tình trạng của các hồ sơ

- Tổng số hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp chủ trì đề tài, dự án SXTN:..... hồ sơ.

- Số hồ sơ được niêm phong kín đến thời điểm mở hồ sơ:...../.... (tổng số hồ sơ đăng ký).

- Tình trạng của các hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp được thể hiện trong bảng sau:

TT	Tên tổ chức, cá nhân đăng ký tuyển chọn hoặc giao trực tiếp	Tình trạng Hồ sơ							
		Nộp đúng hạn[1]	Tính đầy đủ của Hồ sơ đăng ký[2]	Tư cách pháp nhân	Có nhiệm vụ cấp Nhà nước[4]				
					Đang chủ trì nhiệm vụ cấp nhà nước[3]	Hết thời hạn hợp đồng quá 12 tháng chưa nghiệm thu/ Nợ thu hồi DA SXTN, DA CGCN[3]	Được đánh giá ở mức "Không đạt" hoặc bị đình chỉ[5]	Nộp Hồ sơ đánh giá nghiệm thu cấp Cơ sở chậm 6 - 24 tháng[6]	Nộp Hồ sơ đánh giá nghiệm thu cấp Cơ sở chậm 24 tháng trở lên[7]
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

Kết luận: Như vậy, trong số..... hồ sơ đăng ký, có..... hồ sơ hợp lệ, đủ điều kiện để đưa vào xem xét đánh giá, cụ thể như sau:

TT	Tên tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì đề tài/dự án SXTN	Ghi chú
(1)	(2)	(3)

Các bên thống nhất và ký vào biên bản mở hồ sơ vào...h....phút, ngày.../.../20....

ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NỘP HỒ SƠ
(Họ, tên và chữ ký)

ĐẠI DIỆN BỘ KH&CN
(Họ, tên và chữ ký)

---

[1] *Những Hồ sơ nộp quá hạn sẽ được thống kê vào biểu này nhưng không mở;*
[2] *Hồ sơ gồm đầy đủ các loại tài liệu được quy định tại Điều 5 của Thông tư;*
[3] *Tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ;*
[4] *Nhiệm vụ cấp Nhà nước gồm: đề tài, dự án SXTN, nhiệm vụ Nghị định thư, Dự án CGCN, NCCB;*
[5] *Nếu vi phạm, không được tham gia tuyển chọn trong 24 tháng, tính từ thời điểm có Kết luận của Hội đồng đánh giá nghiệm thu hoặc có Quyết định đình chỉ của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;*
[6] *Nếu vi phạm, không được tham gia tuyển chọn trong 12 tháng, tính từ thời điểm nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu thực tế;*
[7] *Nếu vi phạm, không được tham gia tuyển chọn trong 24 tháng, tính từ thời điểm nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu thực tế.*

Biểu B2-2a
08/2012/TT-BKHCN

PHIẾU NHẬN XÉT
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CẤP NHÀ NƯỚC

Chuyên gia/Ủy viên phản biện	
Ủy viên hội đồng	

Họ và tên chuyên gia:

1. Tên đề tài:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì: ***Tên tổ chức:*** ***Họ và tên cá nhân:***	

Tiêu chí đánh giá	***Nhận xét của chuyên gia***				
	4	**3**	**2**	**1**	**0**
1. Đánh giá tổng quan *[Định hướng mục tiêu theo đặt hàng và Mục 15, 16]*					
- Mục tiêu của đề tài đáp ứng được yêu cầu đặt hàng và làm rõ được sự cần thiết phải nghiên cứu.	☐	☐	☐	☐	☐
- Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước.	☐	☐	☐	☐	☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 1:					
2. Nội dung, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng *[Mục 17, 18]*					
- Các nội dung nghiên cứu phù hợp để đạt được mục tiêu	☐	☐	☐	☐	☐
- Phương pháp nghiên cứu phù hợp với các nội dung nghiên cứu đề ra	☐	☐	☐	☐	☐
- Kỹ thuật sử dụng trong nghiên cứu	☐	☐	☐	☐	☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 2:					

3. Sản phẩm khoa học và công nghệ *[Mục 22]*	
- Đáp ứng được yêu cầu đặt hàng	☐☐☐☐☐
- Có khả năng đăng ký sở hữu trí tuệ	☐☐☐☐☐
- Khả năng được công bố trên các tạp chí KH&CN uy tín trong/ngoài nước	☐☐☐☐☐
- Đào tạo sau đại học	☐☐☐☐☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 3:	
4. Khả năng ứng dụng và dự kiến tác động *[Mục 23, 24, 25]*	
- Khả năng thị trường của sản phẩm, công nghệ tạo ra.	☐☐☐☐☐
- Phương án chuyển giao kết quả nghiên cứu.	☐☐☐☐☐
- Mức độ làm rõ được (tên) các địa chỉ sẵn sàng (dự kiến) áp dụng kết quả đề tài.	☐☐☐☐☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 4:	
5. Tính khả thi	
- Tính hợp lý và khả thi của phương án phối hợp *[Mục 19 và 20]*	☐☐☐☐☐
- Tính hợp lý trong bố trí kế hoạch *[Mục 21]*.	☐☐☐☐☐
- Dự toán phù hợp với nội dung và sản phẩm dự kiến tạo ra của đề tài	☐☐☐☐☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 5:	
6. Năng lực tổ chức và cá nhân *[Hồ sơ năng lực kèm theo]*	
- Cơ quan chủ trì đề tài và tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài.	☐☐☐☐☐
- Năng lực và thành tích nghiên cứu của chủ trì và của các thành viên tham gia nghiên cứu.	☐☐☐☐☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 6:	
Ý kiến đánh giá tổng hợp	☐☐☐☐☐

Ghi chú: Điểm nhận xét của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu **X** vào 1 trong 3 ô dưới đây)

☐ Đề nghị thực hiện.

☐ Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

☐ Đề nghị không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là "Kém" hoặc "Rất kém").

Nhận xét, giải thích cho kiến nghị trên:

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày..... tháng..... năm 20...

(Chuyên gia đánh giá ký, ghi rõ họ tên)

Biểu B2-2b
08/2012/TT-BKHCN

PHIẾU NHẬN XÉT
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP
TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ DỰ ÁN SXTN CẤP NHÀ NƯỚC

Chuyên gia/Ủy viên phản biện	
Ủy viên hội đồng	

Họ và tên chuyên gia:

1. Tên dự án:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì: ***Tên tổ chức:*** ***Họ và tên cá nhân:***	

Tiêu chí nhận xét	***Nhận xét của chuyên gia***				
	4	**3**	**2**	**1**	**0**
1. Đánh giá chung *[Mục 12, 13]*					
- Mức độ làm rõ được xuất xứ của công nghệ và chứng minh sự cần thiết phải thực hiện dự án.	☐	☐	☐	☐	☐
- Sản phẩm của dự án có khả năng tạo ra cơ hội kinh doanh.	☐	☐	☐	☐	☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 1:					
2. Mục tiêu, nội dung và phương án triển khai *[Mục 14, 15, 16]*					
- Mục tiêu của hoàn thiện công nghệ của dự án đáp ứng được yêu cầu đặt hàng của nhà nước.	☐	☐	☐	☐	☐
- Mức độ hoàn thiện, cải tiến công nghệ của dự án so với công nghệ xuất xứ.	☐	☐	☐	☐	☐
- Mức độ làm rõ cho giải pháp hoàn thiện công nghệ.	☐	☐	☐	☐	☐
- Tính khả thi của phương án tổ chức triển khai.	☐	☐	☐	☐	☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 2:					

3. Giá trị của công nghệ *[Mục 13, 14, 15, 17]*	
- Trình độ công nghệ của dự án so với công nghệ trong và ngoài nước.	☐☐☐☐☐
- Khả năng tạo ra sản phẩm mới từ công nghệ của dự án.	☐☐☐☐☐
- Tính khả thi của công nghệ được bảo hộ sở hữu trí tuệ.	☐☐☐☐☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 3:	
4. Lợi ích của dự án *[Mục 13.2, 16]*	
- Làm rõ lợi ích của dự án đối với đơn vị chủ trì hoặc đơn vị hỗ trợ kinh phí để hoàn thiện công nghệ.	☐☐☐☐☐
- Khả năng cạnh tranh của công nghệ, sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của dự án.	☐☐☐☐☐
- Lợi ích của khách hàng khi sử dụng sản phẩm dự án.	☐☐☐☐☐
- Định lượng được những lợi ích khi triển khai dự án	☐☐☐☐☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 4:	
5. Phương án tài chính *[Phần III và văn bản pháp lý có liên quan]*	
- Phương án huy động vốn ngoài ngân sách SNKH để thực hiện.	☐☐☐☐☐
- Sự phù hợp của tổng dự toán.	☐☐☐☐☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 5:	
6. Năng lực thực hiện *[Phần III và Mục 13.4, 16]*	
- Năng lực tổ chức, quản lý của chủ trì dự án và các cá nhân tham gia.	☐☐☐☐☐
- Điều kiện và năng lực của cơ quan chủ trì và tổ chức phối hợp chính.	☐☐☐☐☐
Ý kiến đánh giá tổng hợp	☐☐☐☐☐

Ghi chú: Điểm nhận xét của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu **X** vào 1 trong 3 ô dưới đây)

☐ Đề nghị thực hiện.

☐ Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

☐ Đề nghị không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là "Kém" hoặc "Rất kém").

Nhận xét, giải thích cho kiến nghị trên:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày..... tháng..... năm 20...

(Chuyên gia đánh giá ký, ghi rõ họ tên)

Biểu B2-3a
08/2012/TT-BKHCN

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI KHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CẤP NHÀ NƯỚC

Chuyên gia/Ủy viên phản biện	
Ủy viên hội đồng	

Họ và tên chuyên gia:

1. Tên đề tài:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì: ***Tên tổ chức:*** ***Họ và tên cá nhân:***	

Tiêu chí đánh giá	***Chuyên giá đánh giá***					**Hệ số**	***Điểm***	∑	***Điểm tối đa***
	4	**3**	**2**	**1**	**0**				
1. Đánh giá tổng quan									
- Mục tiêu của đề tài đáp ứng được yêu cầu đặt hàng và làm rõ được sự cần thiết phải nghiên cứu *[Định hướng mục tiêu theo đặt hàng và Mục 15]*	☐	☐	☐	☐	☐	1			8
- Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước *[Mục 16]*	☐	☐	☐	☐	☐	1			
2. Nội dung, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng *[Mục 17, 18]*									
- Các nội dung nghiên cứu phù hợp để đạt được mục tiêu	☐	☐	☐	☐	☐	3			24
- Phương pháp nghiên cứu phù hợp với các nội dung nghiên cứu đề ra	☐	☐	☐	☐	☐	2			
- Kỹ thuật sử dụng trong nghiên cứu	☐	☐	☐	☐	☐	1			

3. Sản phẩm khoa học và công nghệ *[Mục 22]*					
- Đáp ứng được yêu cầu đặt hàng	☐☐☐☐☐	1			16
- Khả thi khi đăng ký sở hữu trí tuệ	☐☐☐☐☐	1			
- Khả năng được công bố trên các tạp chí KH&CN uy tín trong/ngoài nước	☐☐☐☐☐	1			
- Đào đạo sau đại học	☐☐☐☐☐	1			
4. Khả năng ứng dụng và dự kiến tác động *[Mục 23,24, 25]*					
- Khả năng thị trường của sản phẩm, công nghệ tạo ra.	☐☐☐☐☐	1			16
- Phương án chuyển giao kết quả nghiên cứu.	☐☐☐☐☐	1			
- Mức độ làm rõ được (tên) các địa chỉ sẵn sàng (dự kiến) áp dụng kết quả đề tài.	☐☐☐☐☐	2			
5. Tính khả thi					
- Tính hợp lý và khả thi của phương án phối hợp *[Mục 19 và 20]*	☐☐☐☐☐	1			16
- Tính hợp lý trong bố trí kế hoạch *[Mục 21]*.	☐☐☐☐☐	1			
- Dự toán phù hợp với nội dung và sản phẩm dự kiến tạo ra của đề tài	☐☐☐☐☐	2			
6. Năng lực tổ chức và cá nhân *[Hồ sơ năng lực kèm theo]*					
- Cơ quan chủ trì đề tài và tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài.	☐☐☐☐☐	2			20
- Năng lực và thành tích nghiên cứu của chủ trì và của các thành viên tham gia nghiên cứu.	☐☐☐☐☐	3			
Ý kiến đánh giá tổng hợp	☐☐☐☐☐				**100**

Ghi chú: Điểm đánh giá của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu **X** vào 1 trong 3 ô dưới đây)

☐ Đề nghị thực hiện.

☐ Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

☐ Đề nghị không thực hiện.

(Hồ sơ trúng tuyển là hồ sơ có tổng số điểm của các tiêu chí đánh giá lớn hơn 70 điểm)

Nhận xét, kiến nghị:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày..... tháng..... năm 20...

(Chuyên gia đánh giá ký, ghi rõ họ tên)

Biểu B2-3b
08/2012/TT-BKHCN

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ DỰ ÁN SXTN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ DỰ ÁN SXTN CẤP NHÀ NƯỚC

Chuyên gia/Ủy viên phản biện	
Ủy viên hội đồng	

Họ và tên chuyên gia:

1. Tên dự án:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì: ***Tên tổ chức:*** ***Họ và tên cá nhân:***	

Tiêu chí đánh giá	***Chuyên giá đánh giá***					**Hệ số**	***Điểm***	∑	***Điểm tối đa***
	4	**3**	**2**	**1**	**0**				
1. Đánh giá chung *[Mục 12, 13]*									
- Mức độ làm rõ được xuất xứ của công nghệ và chứng minh sự cần thiết phải thực hiện dự án.	☐	☐	☐	☐	☐	1			8
- Sản phẩm của dự án có khả năng tạo ra cơ hội kinh doanh.	☐	☐	☐	☐	☐	1			
2. Mục tiêu, nội dung và phương án triển khai *[Mục 14, 15, 16]*									
- Mục tiêu của hoàn thiện công nghệ của dự án đáp ứng được yêu cầu đặt hàng của nhà nước.	☐	☐	☐	☐	☐	1			24

- Mức độ hoàn thiện, cải tiến công nghệ của dự án so với công nghệ xuất xứ.	☐☐☐☐☐	1			
- Mức độ làm rõ cho giải pháp hoàn thiện công nghệ.	☐☐☐☐☐	2			
- Tính khả thi của phương án tổ chức triển khai.	☐☐☐☐☐	2			
3. Giá trị của công nghệ *[Mục 13, 14, 15, 17]*					16
- Trình độ công nghệ của dự án so với công nghệ trong và ngoài nước.	☐☐☐☐☐	1			
- Khả năng tạo ra sản phẩm mới từ công nghệ của dự án.	☐☐☐☐☐	2			
- Tính khả thi của công nghệ được bảo hộ sở hữu trí tuệ.	☐☐☐☐☐	1			
4. Lợi ích của dự án *[Mục 13.2, 16]*					16
- Làm rõ lợi ích của dự án đối với đơn vị chủ trì hoặc đơn vị hỗ trợ kinh phí để hoàn thiện công nghệ.	☐☐☐☐☐	1			
- Khả năng cạnh tranh của công nghệ, sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của dự án.	☐☐☐☐☐	1			
- Lợi ích của khách hàng khi sử dụng sản phẩm dự án.	☐☐☐☐☐	1			
- Định lượng được những lợi ích khi triển khai dự án	☐☐☐☐☐	1			
5. Phương án tài chính *[Phần III và văn bản pháp lý có liên quan]*					20
- Phương án huy động vốn ngoài ngân sách SNKH để thực hiện.	☐☐☐☐☐	3			
- Sự phù hợp của tổng dự toán.	☐☐☐☐☐	2			
6. Năng lực thực hiện *[Phần III và Mục 13.4, 16]*					16
- Năng lực tổ chức, quản lý của chủ trì dự án và các cá nhân tham gia.	☐☐☐☐☐	2			
- Điều kiện và năng lực của cơ quan chủ trì và tổ chức phối hợp chính.	☐☐☐☐☐	2			
Ý kiến đánh giá tổng hợp	☐☐☐☐☐				**100**

Ghi chú: Điểm đánh giá của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu **X** vào 1 trong 3 ô dưới đây)

☐ Đề nghị thực hiện.

☐ Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

☐ Đề nghị không thực hiện.

(Hồ sơ trúng tuyển là hồ sơ có tổng số điểm của các tiêu chí đánh giá lớn hơn 70 điểm)

Nhận xét, kiến nghị:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

....., Ngày..... tháng..... năm 20...

(Chuyên gia đánh giá ký, ghi rõ họ tên)

Biểu B2-4
08/2012/TT-BKHCN

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI/DỰ ÁN SXTN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20...

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ

HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI/DỰ ÁN SXTN CẤP NHÀ NƯỚC

Tên đề tài/dự án:	
Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì: *Tên tổ chức:* *Họ và tên cá nhân:*	

1. Số phiếu phát ra: ☐	**2. Số phiếu thu về:** ☐
3. Số phiếu hợp lệ: ☐	**4. Số phiếu không hợp lệ:** ☐

TT	Họ và tên chuyên gia	Tiêu chí đánh giá						Tổng số điểm
		Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	Tiêu chí 6	
1								
2								
3								
4								
5								
6								
7								
8								

TT	Họ và tên chuyên gia	Tiêu chí đánh giá						Tổng số điểm
		Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	Tiêu chí 6	
9								
10								
11								
	Tổng số điểm trung bình							

Các thành viên ban kiểm phiếu		**Trưởng ban kiểm phiếu**
Thành viên thứ 1	**Thành viên thứ 2**	*(Họ, tên và chữ ký)*
(Họ, tên và chữ ký)	*(Họ, tên và chữ ký)*	

Biểu B2-5
08/2012/TT-BKHCN

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI/DỰ ÁN SXTN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20...

BẢNG TỔNG HỢP KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ

HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI/DỰ ÁN SXTN CẤP NHÀ NƯỚC

Tên đề tài/dự án SXTN:

.....

.....

TT	Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì đề tài/dự án SXTN	Tổng số điểm trung bình của các thành viên hội đồng	Ghi chú

Các thành viên ban kiểm phiếu		Trưởng ban kiểm phiếu
Thành viên thứ 1 *(Họ, tên và chữ ký)*	**Thành viên thứ 2** *(Họ, tên và chữ ký)*	*(Họ, tên và chữ ký)*

Biểu B2-6
08/2012/TT-BKHCN

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI/DỰ ÁN SXTN

....., ngày..... tháng.... năm 20...

BIÊN BẢN
HỌP HỘI ĐỒNG KH&CN

ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN CẤP NHÀ NƯỚC

A. Thông tin chung

1. Tên đề tài/dự án SXTN:

.....
.....
.....

2. Quyết định thành lập Hội đồng

...../QĐ-BKHCN ngày...../...../20... của Bộ trưởng Bộ KH&CN

3. Địa điểm và thời gian

....., ngày...../..... /20...

4. Số thành viên hội đồng có mặt trên tổng số thành viên...../.....người. Vắng mặt.....người, gồm các thành viên:

.....
.....

5. Khách mời tham dự họp hội đồng:

TT	*Họ và tên*	*Đơn vị công tác*

6. Hội đồng nhất trí cử Ông/Bà..... là thư ký khoa học của hội đồng.

B. Nội dung làm việc của hội đồng *(ghi chép của thư ký khoa học):*

C. Bỏ phiếu đánh giá

1. Hội đồng đã bầu ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

- Trưởng ban: .....
- Hai thành viên: .....

.....

2. Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá từng hồ sơ đăng ký.

Kết quả kiểm phiếu đánh giá các hồ sơ đăng ký tuyển chọn/giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì đề tài/dự án SXTN trong biên bản kiểm phiếu kèm theo.

3. Kết quả bỏ phiếu

Căn cứ kết quả kiểm phiếu, hội đồng kiến nghị tổ chức, cá nhân sau đây trúng tuyển chủ trì đề tài/dự án SXTN nêu trên:

Tên tổ chức:.....

Họ và tên cá nhân:.....

D. Kết luận, kiến nghị của hội đồng *(kiến nghị về các nội dung cần sửa đổi)*

Hội đồng đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét và quyết định.

THƯ KÝ KHOA HỌC	**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**
(Họ, tên và chữ ký)	*(Họ, tên và chữ ký)*